

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2023/HS-PT

Ngày: 31 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường
Ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông: Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2023/TLPT-HS ngày 04 - 4 - 2023, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Đỗ Văn M, sinh ngày 01-01-1981 tại Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thanh H và bà Lê Thị Y; vợ Nguyễn Thị Mỹ X và 02 con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/10/2021, đến ngày 29-4-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lãnh.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện P; địa chỉ: Số 116 đường L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Công M1; chức vụ: Chủ tịch UBND huyện; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ X; sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

2. Ông Nguyễn Văn T; sinh năm: 1978; địa chỉ: Thôn B1, xã L1, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.
3. Anh Nguyễn Văn T1; sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn T2, xã L2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
4. Anh Nguyễn Tá V; sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn X1, xã L3, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
5. Ông Nguyễn Phước H1; sinh năm: 1970; địa chỉ: Thôn P, xã X2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
6. Anh Cái Vũ Trọng K; sinh năm: 1992; địa chỉ: TDP 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.
7. Anh Nguyễn Đức R; sinh năm: 1987; địa chỉ: Tổ 9, thôn T4, xã L1, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.
8. Anh Trương Công T3; sinh năm: 1984; địa chỉ: xã L4, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
9. Anh Tô H2; sinh năm: 1986; địa chỉ: Thôn H3, xã X2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.
10. Anh Nguyễn Thanh B2; sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn X1, xã L3, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
11. Anh Nguyễn Chí S1; sinh năm: 1984; địa chỉ: TDP M2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.
12. Anh Nguyễn Tiến C1; sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/02/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có Thông báo số 38/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất để xây dựng dự án đường Hồ Chí Minh đoạn LS – ĐB thuộc địa phận tỉnh Thừa Thiên Huế, tại thông báo này, UBND huyện P được giao một số nhiệm vụ, trong đó có việc chỉ đạo UBND các xã Lộc Sơn, L1, X2 thông báo đến người có đất, tài sản gắn liền với đất trong phạm vi thu hồi phối hợp với chính quyền địa phương và Trung tâm kỹ thuật địa chính thực hiện việc khảo sát, điều tra, đo đạc, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngày 29/12/2012, UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 4691/QĐ-UBND thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện P (gọi tắt là Hội đồng bồi thường) để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình, dự án trọng điểm do Chủ tịch UBND huyện quyết định. Quyết định phân công Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện là Phó Chủ tịch hội đồng bồi thường; Trung tâm phát triển quỹ đất là cơ

quan thường trực của Hội đồng bồi thường, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công tác kiểm kê, bồi thường, tái định cư các dự án trên địa bàn huyện, thường xuyên tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện cho Chủ tịch Hội đồng bồi thường.

Ngày 22/4/2013, Sở Giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đã ký hợp đồng số 03/2013/HĐKT với Trung tâm xúc tiến và tư vấn đầu tư, giới thiệu dịch vụ việc làm thuộc Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính giải phóng mặt bằng dựa trên cơ sở vị trí, tọa độ cọc mốc giải phóng mặt bằng do Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh thực hiện để cấp cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện.

Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trọng điểm đang triển khai trên địa bàn huyện P, ngày 04/11/2013, UBND huyện P ban hành công văn số 1175/ UBND- GPMB về việc giao trách nhiệm cho Hội đồng bồi thường thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án trọng điểm, trong đó có dự án đường Hồ Chí Minh đoạn LS – TL.

Căn cứ Quyết định số 4691/QĐ-UBND, Hội đồng bồi thường nhiều lần thành lập và kiện toàn các Tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng. Theo Quyết định kiện toàn số 01/QĐ-HĐBT ngày 19/4/2016, Tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng bồi thường gồm Tổ kiểm kê áp giá, hướng dẫn kê khai nguồn gốc đất và Tổ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Các tổ có nhiệm vụ giúp Hội đồng bồi thường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quyết định số 4691/QĐ-UBND ngày 29/12/2012 của UBND huyện và các nhiệm vụ khác liên quan do Hội đồng bồi thường giao.

Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đường Hồ Chí Minh đoạn LS – ĐB được Hội đồng bồi thường huyện P triển khai thực hiện từ năm 2013, đến năm 2016 thì thực hiện đến hạng mục Hàm chui, đường giao dân sinh đoạn km6+561,85 thuộc địa phận xã X2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng hạng mục Hàm chui, đường giao dân sinh đoạn km6+561,85, căn cứ Quyết định kiện toàn số 01/QĐ-HĐBT ngày 19/4/2016 của Hội đồng bồi thường, ông Nguyễn Văn T, Phó chủ tịch Hội đồng, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện P (đơn vị thường trực của Hội đồng bồi thường) phân công Tổ kiểm kê áp giá, hướng dẫn kê khai nguồn gốc đất gồm các thành viên: Đỗ Văn M, Trương Công T3, Trương Thanh B2, Nguyễn Chí S1, Nguyễn Tiến C1 thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất và Tô H2 là cán bộ địa chính xã X2, huyện P thực hiện, trong đó Đỗ Văn M là người chịu trách nhiệm, trực tiếp thực hiện và tham mưu cho Hội đồng bồi thường kết quả công tác bồi thường.

Ngày 11/11/2016, Tổ kiểm kê tiến hành kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà ông Nguyễn Phước H1 ở thôn P, xã X2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, thuộc hạng mục Hàm chui, đường giao dân sinh km6+561,85 đường Hồ Chí Minh. Trực tiếp tham gia công tác kiểm kê có Đỗ Văn M, Tô H2 và 2 nhân viên hợp đồng của Hội đồng bồi thường là Cái Vũ Trọng K và Nguyễn Đức R giúp việc cho Tổ kiểm kê. Khi kiểm kê xác định diện tích đất nhà ông Nguyễn Phước H1 bị thu hồi là 41m², một phần hiên nhà có một cạnh 0,53m; một cạnh 0,93m; 04 trụ bê tông cốt

thép và sàn mái bê tông cốt thép nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng. Cho rằng ngôi nhà có kết cấu bê tông cốt thép liền khối, việc chỉ tháo dỡ phần hiên sẽ gây ảnh hưởng đến độ an toàn, công năng sử dụng và mặt thẩm mỹ của ngôi nhà, ông H1 không đồng ý phương án bồi thường là tháo dỡ một phần ngôi nhà trong phần diện tích đất bị thu hồi, mà đề nghị được bồi thường chi phí tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà.

Đồng ý với đề nghị của ông H1, Đỗ Văn M hướng dẫn Cái Vũ Trọng K lập biên bản kiểm kê toàn bộ ngôi nhà, còn mình trực tiếp lập bản vẽ hiện trạng ngôi nhà, tuy nhiên khi lập bản vẽ, M đã không thể hiện phạm vi, ranh giới giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến ngôi nhà. Kết thúc kiểm kê, đại diện gia đình bà Nguyễn Thị S và Đỗ Văn M ký xác nhận vào biên bản kiểm kê, Tô H2 có tham gia việc kiểm kê và có tên trong thành phần kiểm kê nhưng không ký vào biên bản. Sau buổi kiểm kê, tại cơ quan nơi làm việc, Đỗ Văn M lần lượt đưa biên bản kiểm kê cho các thành viên có tên trong thành phần kiểm kê nhà ông H1 ký gồm Trương Thanh B2, Nguyễn Chí S1 và Nguyễn Tiến C1 mặc dù không tham gia kiểm kê nhưng vẫn ký xác nhận vào biên bản, Trương Công T3 cũng có tên trong thành phần kiểm kê nhưng không ký vào biên bản kiểm kê.

Theo quy định của pháp luật, sau khi thực hiện xong công tác kiểm kê, Hội đồng bồi thường phải có Tờ trình và chuyển hồ sơ đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P thẩm định điều kiện bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất để làm căn cứ lập phương án bồi thường. Tuy nhiên Đỗ Văn M đã không đề xuất thực hiện mà đã lập phương án bồi thường và chi phí tháo dỡ cho toàn bộ ngôi nhà và 41m² đất ở bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Phước H1 với tổng số tiền bồi thường là 1.099.709.000 đồng, sau đó tham mưu cho ông Nguyễn Văn T ký Thông báo số 04/TB-HĐBT ngày 08/3/2017 công khai phương án bồi thường, trong khi đến ngày 22/3/2017 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P mới có Văn bản thẩm định số 30/TNMT-TĐ, thẩm định gia đình ông Nguyễn Phước H1 đủ điều kiện được bồi thường thiệt hại đối với 41m² đất bị thu hồi, không có nội dung thẩm định điều kiện về tài sản gắn liền với đất.

Sau khi tổ chức công khai phương án bồi thường, Đỗ Văn M tham mưu cho ông Nguyễn Văn T - Phó chủ tịch Hội đồng bồi thường ký Tờ trình số 10/TTr-HĐBT ngày 30/3/2017 gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P đề nghị thẩm định phương án bồi thường.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P phân công ông Nguyễn Tá V trực tiếp thẩm định phương án bồi thường. Trên cơ sở hồ sơ do Hội đồng bồi thường cung cấp, ông Vũ đã tiến hành thẩm định các nội dung theo phương án bồi thường do Hội đồng bồi thường đề nghị, sau đó tham mưu, đề xuất ông Nguyễn Văn T1 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ký Văn bản thẩm định số 44/TNMT-TĐPA ngày 12/4/2017 về kết quả thẩm định phương án bồi thường của gia đình ông Nguyễn Phước H1 với giá trị được bồi thường là 1.070.753.000 đồng để đề xuất Chủ tịch UBND huyện P ký Quyết định phê duyệt giá trị bồi thường.

Căn cứ Tờ trình số 10/TTr-HĐBT ngày 30/3/2017 của Hội đồng bồi thường; Văn bản thẩm định số 44/ TNMT-TĐPA ngày 12/4/2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, ông Nguyễn Văn M - Chủ tịch UBND huyện P đã ký Quyết định

số 1079/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 về việc phê duyệt giá trị bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Phước H1 với số tiền 1.070.753.000đ, trong đó giá trị bồi thường toàn bộ ngôi nhà là 949.507.147 đồng.

Ngày 09/5/2017, Hội đồng bồi thường tiến hành chi trả tiền bồi thường, ông Nguyễn Phước H1 đã nhận đủ tiền nhưng không tháo dỡ ngôi nhà và gia đình ông H1 tiếp tục sử dụng ngôi nhà cho đến nay.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 28 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2014/QĐ- UBND ngày 05/08/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thì đối với trường hợp ngôi nhà của gia đình ông Nguyễn Phước H1 phải tháo dỡ một phần hay toàn bộ khi Nhà nước thu hồi đất, đơn vị bồi thường phải tiến hành xem xét, đánh giá về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với phần còn lại của ngôi nhà mới có căn cứ lập phương án bồi thường.

Tại Báo cáo giám định số 31/KD-GDH ngày 27/7/2021 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận về công trình nhà của ông Nguyễn Phước H1 như sau:

1. Nhà nguy hiểm cấp B: Khả năng chịu lực của kết cấu cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng bình thường, cá biệt có cấu kiện ở trạng thái nguy hiểm, nhưng không ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực;

2. Sau khi tháo dỡ phần diện tích công trình (hiên nhà) nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng (một cạnh 0,53m; một cạnh 0,93m; 04 trụ bê tông cốt thép và sàn mái bê tông cốt thép) thì phần còn lại của công trình vẫn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định, đó là:

- Công trình đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực trong quá trình khai thác sử dụng;

- Công năng của công trình đáp ứng yêu cầu sử dụng theo TCVN 4451:2012 nguyên tắc cơ bản thiết kế nhà ở.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2857/KL-HĐĐGTS ngày 24/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

Chi phí tháo dỡ phần công trình nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng và chi phí để sửa chữa hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương trước khi tháo dỡ công trình nhà ông Nguyễn Phước H1 tại thôn P, xã X2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế là 130.447.000 đồng tại thời điểm định giá là tháng 4 năm 2017. Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND huyện P phê duyệt giá trị bồi thường của gia đình ông Nguyễn Phước H1 thì giá trị bồi thường toàn bộ ngôi nhà tính được là 949.507.147 đồng, trong đó giá trị bồi thường phần hiên nhà là 182.381.112 đồng, chi phí tháo dỡ và chi phí để sửa chữa hoàn thiện ngôi nhà theo kết luận của Hội đồng định giá là 130.447.000 đồng. Do đó thiệt hại về giá trị bồi thường trái quy định do Đỗ Văn M gây ra được tính bằng giá trị đã bồi thường toàn bộ ngôi nhà trừ đi giá trị bồi thường phần hiên nhà và chi phí tháo

dỡ, cải tạo, sửa chữa phân hiên nhà, cụ thể: {949.507.000 đồng – (182.381.112 đồng + 130.447.000 đồng)} = **636.679.000** đồng (giá trị làm tròn).

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 26/11/2021, vợ của bị cáo Đỗ Văn M là bà Nguyễn Thị Mỹ X đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả thiệt hại mà bị can đã gây ra. Một số người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nộp tiền để khắc phục thiệt hại gồm: ông Nguyễn Phước H1 nộp số tiền 100.000.000 đồng; Nguyễn Thanh B2, Nguyễn Chí S1 và Nguyễn Tiến C1 tự nguyện nộp số tiền 120.000.000 đồng (mỗi người nộp 40.000.000 đồng); Tô H2 tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng; Trương Công T3 tự nguyện nộp số tiền là 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Tá V mỗi người tự nguyện nộp 40.000.000 đồng, Nguyễn Văn T tự nguyện nộp số tiền 186.679.000 đồng.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2023/HS-ST ngày 15-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định :

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội “*Vi phạm quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 230; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 07/10/2021 đến ngày 29/4/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 636.679.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), số tiền trên theo Ủy nhiệm chi lập ngày 01/02/2023 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đỗ Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Kháng nghị:

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 332/QĐ-VKSTTH-P1 ngày 01-03-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định kháng nghị về phần trách nhiệm dân sự của bản án hình sự sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tuyên trả số tiền 636.679.000 đồng của bị cáo và những người có nghĩa vụ liên quan đã nộp cho UBND huyện P. Buộc gia đình ông

Nguyễn Phước H1 phải nộp lại số tiền 536.679.000 đồng để trả lại cho bị cáo M và những người liên quan tương ứng với số tiền mà họ đã nộp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị

Bị cáo Đỗ Văn M không có ý kiến gì về tội danh và hình phạt, đề nghị xem xét trả lại số tiền mà những người liên quan đã nộp và bị bản án sơ thẩm tịch thu, vì số tiền này ông H1 đang giữ và những người này không có trách nhiệm phải nộp.

Những người liên quan gồm Nguyễn Thanh B2, Nguyễn Chí S1, Nguyễn Tiến C1, Nguyễn Thị Mỹ X, Tô H2, Trương Công T3, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Tá V, Nguyễn Văn T không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự theo hướng như kháng nghị phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: quá trình thực hiện điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Không có khiếu nại, tố cáo về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng.

[2] Về tội danh: Năm 2016, Hội đồng bồi thường Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế giao cho Tổ kiểm kê áp giá, hướng dẫn kê khai tài sản khi thu hồi đất để xây dựng dự án đường Hồ Chí Minh. Đỗ Văn M (cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất) là người được giao nhiệm vụ chính trong thực hiện việc kiểm kê, lập phương án bồi thường về đất, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thuộc hạng mục Hàm chui, đường giao dân sinh km6+561,85 đường Hồ Chí Minh thuộc địa bàn xã X2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi thực hiện nhiệm vụ tại nhà ông Nguyễn Phước H1 ở thôn P, xã X2, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, thì ngôi nhà của gia đình ông Nguyễn Phước H1 chỉ bị giải phóng, tháo dỡ phần mái hiên nằm trong diện tích đất bị thu hồi, nhưng M đã không báo cáo Hội đồng bồi thường tổ chức thẩm định, đánh giá về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với phần còn lại của ngôi nhà, mà đã kiểm kê, lập phương án và đề xuất bồi thường toàn bộ ngôi nhà cho ông Nguyễn Phước H1, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với số tiền 636.679.000 đồng.

Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M đã phạm tội “*Vi phạm quy định về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất*” theo điểm đ khoản 2 Điều 230 Bộ luật Hình

sự năm 2015. Về tội danh và hình phạt không có kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xem xét kháng nghị về trách nhiệm dân sự:

Bản án sơ thẩm đã tuyên “*Trong vụ án này, bị cáo và những người có nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền 636.679.000 đồng đã gây thiệt hại cho Nhà nước; nhằm khắc phục thiệt hại cho nhà nước cần sung vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền trên. Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn dân sự cũng không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét*”.

Thực tế: ngày 26-11-2021, vợ của bị cáo Đỗ Văn M là bà Nguyễn Thị Mỹ X đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả thiệt hại mà bị can đã gây ra. Một số người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nộp tiền để khắc phục thiệt hại gồm: ông Nguyễn Phước H1 nộp số tiền 100.000.000 đồng; Nguyễn Thanh B2, Nguyễn Chí S1 và Nguyễn Tiến C1 tự nguyện nộp số tiền 120.000.000 đồng (mỗi người nộp 40.000.000 đồng); Tô H2 tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng; Trương Công T3 tự nguyện nộp số tiền là 20.000.000 đồng, Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Tá V mỗi người tự nguyện nộp 40.000.000 đồng, Nguyễn Văn T tự nguyện nộp số tiền 186.679.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã tuyên tịch thu số tiền mà những người liên quan đã nộp.

Hiện nay số tiền thiệt hại thì ông Nguyễn Phước H1 đang giữ và ông H1 chỉ mới nộp lại 100.000.000 đồng, còn lại 536.679.000 đồng, theo quy định pháp luật thì số tiền này ông H1 phải nộp trả lại cho Nhà nước. Tuy nhiên, tại Đơn xin nộp tiền của những người liên quan có nội dung “*chúng tôi nhận thấy có một phần trách nhiệm của mình nên đã tự nguyện nộp số tiền để khắc phục hậu quả thiệt hại*” và “*Sau này, về trách nhiệm dân sự, chúng tôi sẽ làm việc với ông Nguyễn Phước H1 để yêu cầu nộp lại số tiền nêu trên...*” . Như vậy, những người liên quan đã tự nguyện nộp số tiền mà Nhà nước đã thiệt hại trong vụ án nhằm kịp thời khắc phục hậu quả thiệt hại cho Nhà nước; đồng thời việc hoàn trả sẽ được tự giải quyết sau giữa những người nộp tiền và ông Nguyễn Phước H1. Bản án sơ thẩm đã tịch thu sung công quỹ số tiền đã nộp với mục đích khắc phục thiệt hại cho nhà nước là đúng pháp luật, nhằm kịp thời bù đắp thiệt hại cho Nhà nước. Việc nộp hoàn trả từ ông H1 cho những người liên quan sẽ được các đương sự tự giải quyết sau, nếu không giải quyết được thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Do bản án sơ thẩm đã quyết định đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của những người liên quan, không có ai phản đối, bảo đảm lợi ích hợp pháp của Nhà nước. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND huyện P vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến gì, nên được xem như thống nhất với quyết định của Bản án sơ thẩm; do đó không có cơ sở chấp nhận kháng nghị.

[4] Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Việc Thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 332/QĐ-VKSTTH-P1 ngày 01-03-2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, giữ nguyên quyết định về trách nhiệm dân sự của bản án hình sự sơ thẩm.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 636.679.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), số tiền trên theo Ủy nhiệm chi lập ngày 01/02/2023 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị, việc thi hành án theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh;
- Phòng HSNV - Công an t Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS. CA Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; những người liên quan
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long